

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY - NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYT ngày tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng)

HỌC KỲ II

Tháng	01		02			3				4				5				6				7							
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25				
Từ ngày đến ngày	26	02	09	16	23	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13				
	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19				
CD ĐƯỢC 11			TẾT NGUYÊN ĐÁN			Tiếng Anh (2 - 2); Tin học (1 - 2); Thực vật dược (2 - 1); Hoá phân tích (1 - 2); Giải phẫu - sinh lý - Bệnh học 2 (2 - 1); Dược lý 1 (2 - 3)																		ÔN THI VÀ THI KẾT THỨC HỌC PHẦN					
CD KTXNYH 6						Tiếng Anh (2 - 2); Tin học (1 - 2); Giải phẫu - sinh lý - Bệnh học 2 - Dược lý (3 - 1); KSNK - ATNB và ĐDCB - CCBD (1 - 2); Hoá phân tích (1 - 2)																							
CD YSDK 2AB						Tiếng Anh (2 - 2); SHTBT và QTPH (2 - 1); Tâm lý người bệnh - Y đức (2 - 0); GT - GDSK trong THYK (1 - 1); Môi trường và Sức khoẻ (2 - 0); Kỹ thuật điều dưỡng (0 - 2); LS Kỹ thuật điều dưỡng (0 - 2)														TTBV ĐDCB - KTĐD									
CD YSDK 2C						Tiếng Anh (2 - 2); SHTBT và QTPH (2 - 1); Tâm lý người bệnh - Y đức (2 - 0); GT - GDSK trong THYK (1 - 1); Môi trường và Sức khoẻ (2 - 0); Kỹ thuật điều dưỡng (0 - 2); LS Kỹ thuật điều dưỡng (0 - 2)												TTBV Điều dưỡng cơ bản - KTĐD											
CD ĐIỀU DƯỠNG 15						Tiếng Anh (2 - 2); GDCT (5 - 0); GDTC (0 - 2); GT - GDSK trong THĐD (1 - 1); KSNK - ATNB và CCBD (1 - 1); Điều dưỡng cơ sở I (1 - 1)																							
CD KTPHCN 6						Tiếng Anh (2 - 2); Tin học (1 - 2); Giải phẫu - sinh lý - Bệnh học 2 - Dược lý (3 - 1); KSNK và ATNB - ĐDCB và CCBD (1.5 - 1.5); Quá trình phát triển con người (2 - 0)																							
CD ĐƯỢC 10						BC - SDH - Kiểm nghiệm và bảo quản thuốc I (3 - 1.5); Dược lâm sàng (3 - 1.5); Kinh tế - Marketing Dược (2 - 2.5); Sử dụng thuốc I (2 - 2)																							
CD KTXNYH 5						Huyết học tế bào (3 - 1); Hoá sinh (3 - 1); Vi sinh y học 1 (2 - 1); Ký sinh trùng 1 (2 - 1); Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm (2 - 1)																							
CD Y SỸ 1A						Bệnh học Ung thư (2 - 0); Bệnh học Sản - phụ khoa (3 - 1)												LS BHNL 3 (0 - 3)		LS SPK (0 - 2)									
CD Y SỸ 1B						Bệnh học Ung thư (2 - 0); Bệnh học Sản - phụ khoa (3 - 1)												LS SPK (0 - 2)		LS BHNL 3 (0 - 3)									
CD Y SỸ 1C						LS BHNL 2 (0 - 3)										LS BHNL 3 (0 - 3)						LS Sản - phụ khoa (0 - 2)							
						Bệnh học Ung thư (2 - 0); Bệnh học Sản - phụ khoa (3 - 1)																							
CD ĐIỀU DƯỠNG 14						CSSK Người lớn I (2 - 1); CSSK Người lớn II (2 - 1); CSSK Người lớn III (2 - 1)								TTBV CSSK NL I, II (0 - 6)															
CD KTPHCN 5						CPTĐTBVL và QLKP (1 - 1); Y học cổ truyền (1 - 1); PHCN các bệnh về khớp (2 - 1); VĐTL và HĐTL (2 - 1); Lượng giá chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2 - 1)														TTBV 1 (0 - 4)									
CD ĐƯỢC 9						Đảm bảo chất lượng thuốc (2 - 1); Môn tự chọn (2 - 4)												Thực tế tốt nghiệp (0 - 6)											
CD KTXNYH 4						TH Xét nghiệm 2 (0 - 6); Môn tự chọn (0 - 3); Thực tế tốt nghiệp (0 - 6)																							
CD ĐIỀU DƯỠNG 13	CSNBHS TCCĐ (2 - 0);					QLĐD (0 - 1);		TT CD (0 - 2)		Nghiên cứu điều dưỡng (0 - 1.5); CSSK cộng đồng (0 - 1); Môn học tự chọn (2 - 0);						TTBV CSNBHSTC CD (0 - 2); THBV môn học tự chọn (0 - 2)				TTLSNN (0 - 3)									
CD KTPHCN 4						PHCN dựa vào cộng đồng (1 - 1); Môn tự chọn (2 - 2)										TTBV 3 (0 - 4)				TTTN (0 - 6)									